

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG Đ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2020

V/v “Xin ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG Đ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Nh

2. Bà Trần Thị N

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Xin ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần Tuấn K, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bàu Môn, xã T Hưng, thị xã KT, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: chị Phan Thị D, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D Tân, xã Bắc D, huyện Tân T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai của anh Trần Tuấn K trình bày: Anh và chị D tìm hiểu được khoảng 3 tháng và đến ngày 19/8/2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã T Hưng, thị xã KT, tỉnh Long An. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do anh và chị D không cùng quan điểm và mục đích sống với nhau, nên năm 2016 chị D bỏ về bên cha mẹ ruột sinh sống. Nay anh yêu cầu xin ly hôn chị D.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Tuấn Kh, sinh ngày 25/3/2014, sau khi sống ly thân chị D thì cháu Kh sống với anh. Nay anh yêu cầu được nuôi con không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Phan Thị D: Tòa án tiến hành giao nhận thông báo thụ lý vụ án số: 24/2020/TB-TLVA ngày 06/01/2020 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và D giải ngày 06/01/2020 do ông Phan Thành Tôn là cha ruột là chị D nhận thay. Ngoài ra, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và D giải, nhưng chị D vắng mặt không đến tham gia, nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đối với chị Phan Thị D, ngày 07/5/2020 Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2020 và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2020 thông báo thời gian xét xử ngày 09/6/2020 nhưng chị D cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Tuấn K và chị Phan Thị D đăng ký kết hôn ngày 19/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T Hưng, thị xã KT, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nay xảy ra tranh chấp. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về hôn nhân:

Sau khi kết hôn chị D về sống bên gia đình anh K tại ấp Bàu Môn, xã T Hưng, thị xã KT, tỉnh Long An. Trong thời gian đầu anh K và chị D chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân theo anh K trình bày trong thời gian chung sống với nhau, hai bên không cùng quan điểm sống nên cuộc sống không D hợp được, cũng như khi sinh con trong việc nuôi dạy con thì anh và chị D không có mục đích chung, nên xảy ra cự cãi với nhau thường xuyên, do đó chị D bỏ về cha mẹ ruột sinh sống.

Xét thấy trong cuộc sống chung anh K và chị D không D hợp được tính tình nên đã xảy ra việc bắt D giữa hai bên, cũng như sau khi có con chung về phía anh K muốn dạy dỗ con theo phương pháp của anh, nhưng chị D không bằng lòng, nên dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, trong thời gian sống bên gia đình anh K phía chị D về cách ứng xử không được lòng bên gia đình chồng, từ đó dẫn

đến mâu thuẫn tình cảm ngày càng gay gắt, nên chị D bỏ về sống bên cha mẹ ruột thì anh K có đến rước về nhưng chị D không về, cho nên anh K và chị D sống ly thân tháng 7 năm 2018 đến nay. Còn đối với chị D, Tòa án niêm yết thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và D giải và ý kiến đương sự trong vụ án, nhưng chị D cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của anh K. Với các mâu thuẫn này cho thấy tình cảm hiện nay giữa anh K và chị D không còn hàn gắn được với nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh K có căn cứ.

2.2 Về con chung: Tại phiên tòa anh K trình bày trong thời gian chung sống giữa anh và chị D có 01 con chung tên Trần Tuấn Kh, sinh ngày 25/3/2014, khi xảy ra mâu thuẫn tình cảm chị D bỏ về cha mẹ sinh sống nên cháu Kh sống với anh K, nay anh K xin được tiếp tục nuôi con. Xét thấy Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và niêm yết thông báo D giải và công khai chứng cứ, cũng như ý kiến đương sự trong vụ án, nhưng đến nay chị D không có văn bản hay trình bày ý kiến của mình về việc anh K yêu cầu nuôi con. Do đó căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh K là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh K không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh K không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ của chị D.

2.3 Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh K trình bày trong thời gian chung sống giữa anh và chị D không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Tại phiên tòa anh K trình bày không có nợ chung, nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh K phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch; chị D không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tuấn K.

1. Về tình cảm: Anh Trần Tuấn K được ly hôn chị Phan Thị D.

2. Về con chung: Anh Trần Tuấn K được quyền nuôi con tên Trần Tuấn Kh, sinh ngày 25/3/2014, chị Phan Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp có đơn yêu cầu của cha mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Trần Tuấn K phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai số 0000754 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H